

THỰC TRẠNG THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Lê Thị Mai Hương¹, Trần Văn Hùng²

¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2022.7.166-173>

TÓM TẮT

Bài viết dựa trên nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Tổng cục Thống kê nhằm đánh giá thực trạng thu nhập bình quân của người dân Việt Nam trong giai đoạn từ sau khi đổi mới nền kinh tế đến nay. Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả so sánh, sử dụng hệ thống chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người, hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập nhằm phân tích thực trạng thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam có sự gia tăng đáng ghi nhận và đặc biệt trong năm 2020 trước nhiều khó khăn và thách thức của tình hình đại dịch Covid - 19, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng dương. Tuy nhiên, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn khá thấp và có chênh lệch khá xa giữa các vùng, miền, giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các nhóm thu nhập cao và nhóm thu nhập thấp. Bài viết đánh giá những thành tựu hạn chế và nguyên nhân tồn tại những hạn chế về mức độ chênh lệch thu nhập giữa các vùng miền, nhóm thu nhập dựa trên cơ sở phân tích hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Qua đó bài viết cũng nêu những đề xuất kiến nghị góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam và giảm bớt chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm thu nhập, giữa các vùng, miền, giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Từ khóa: Kiến nghị, thu nhập bình quân đầu người, thực trạng thu nhập, Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thu nhập bình quân đầu người là một trong những chỉ tiêu kinh tế xã hội quan trọng phản ánh mức sống và trình độ của nhân dân trong một quốc gia. Với sự đột phá trong cải cách nền kinh tế vào năm 1986 và sự kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, kinh tế tăng trưởng liên tục và ổn định qua các năm, đưa Việt Nam thoát khỏi nước nghèo và trở thành quốc gia có thu nhập trung bình vào năm 2010 chỉ trong vòng hơn hai thập kỷ. Kể từ năm 2010 đến nay và ngay cả khi đại dịch Covid-19 diễn ra với nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng dương, thu nhập bình quân đầu người giữ mức tăng trưởng ổn định, góp phần ổn định mức sống cho người dân. Từ mức thu nhập bình quân đầu người 295.000 đồng/người/tháng vào năm 1999 đã tăng lên 4.249.000 đồng/người/tháng vào năm 2020. Tức sau hơn 20 năm thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng lên 14,4 lần và đến 2045 Việt Nam cố gắng nỗ lực để trở thành nền kinh tế có thu nhập cao. Tuy nhiên, ở nước ta do điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội có sự khác nhau giữa các vùng miền trong cả nước, điều đó dẫn đến khả năng tạo việc làm cho

người lao động cũng có sự khác biệt rõ nét giữa các vùng miền. Chính điều đó cũng góp phần tạo nên sự chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng miền và giữa các nhóm dân cư trong xã hội. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này nhằm tập trung đánh giá thực trạng thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam từ khi đổi mới nền kinh tế, phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng miền để từ đó làm cơ sở đề xuất một số kiến nghị góp phần gia tăng và giảm chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm dân cư.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam từ khi đổi mới nền kinh tế đến nay.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Khái niệm thu nhập bình quân đầu người

Trần Quốc Lợi, Dương Mạnh Hùng (2014): Thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu kinh tế xã hội quan trọng phản ánh “mức thu nhập và cơ cấu thu nhập của các tầng lớp dân cư” để đánh giá mức sống, phân hóa giàu nghèo, tính tỷ lệ nghèo, làm cơ sở cho hoạch định chính

sách nhằm nâng cao mức sống của người dân, xóa đói giảm nghèo.

Tổng cục Thống kê (2019): Thu nhập của lao động đang làm việc là thu nhập từ tiền công, tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất như lương gồm tiền làm thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp, tự kinh doanh... của những người lao động làm công ăn lương trong nền kinh tế. Các khoản thu nhập này có thể bằng tiền mặt hoặc

hiện vật. Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc là tổng số tiền thu nhập thực tế tính bình quân một lao động làm công ăn lương, tự kinh doanh.

2.2.2 Công thức tính thu nhập bình quân đầu người

Theo tác giả Trần Quốc Lợi, Dương Mạnh Hùng (2014) thì công thức tính thu nhập bình quân đầu người như sau:

$$\text{Thu nhập bình quân đầu người} = \frac{\text{Tổng thu nhập của hộ}}{\text{Số nhân khẩu bình quân của hộ (người)}}$$

Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời kỳ nhất định, thường là 1 năm. Thu nhập của hộ bao gồm:

- (1) Thu từ tiền công, tiền lương;
- (2) Thu từ sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản (sau khi trừ đi chi phí sản xuất và thuế sản xuất);
- (3) Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp, thủy sản (sau khi trừ đi chi phí sản xuất và thuế sản xuất);
- (4) Thu khác được tính vào thu nhập như thu do biểu, mừng, lãi tiết kiệm...

Theo nghị định 59/2015/QĐ -TTG của thủ tướng chính phủ thì thu nhập bình quân đầu người được chia thành 5 nhóm như sau:

- + Nhóm 1: Nhóm nghèo là những người có thu nhập thấp, có thu nhập bình quân đầu người trên tháng là 700.000 đồng đối với nông thôn và 900.000 đồng đối với khu vực thành thị.
- + Nhóm 2: Nhóm cận nghèo là hộ cận nghèo có mức thu nhập dao động trong khoảng từ 700.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với khu vực nông thôn, đối với khu vực thành thị thì có thu nhập từ 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng.
- + Nhóm 3: Nhóm trung bình là nhóm có thu nhập trung bình một tháng vào khoảng 1.000.000 đến 1.500.000 ở khu vực nông thôn, mức thu nhập có nhóm trung bình sẽ được tính trong khoảng từ 1.300.000 đồng đến 1.950.000

đồng ở khu vực thành thị.

+ Nhóm 4: Nhóm khá, có thu nhập trung bình một tháng vào khoảng 2.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng áp dụng cho khu vực nông thôn, ở khu vực thành thị thì mức thu nhập vào khoảng 2.200.000 đồng đến 4.000.0000 đồng.

+ Nhóm 5: Nhóm giàu là nhóm có thu nhập trung bình một tháng trên 5.000.000 đồng.

2.3. Dữ liệu và Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu này tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu định tính thông qua phương pháp phân tích mô tả số liệu thống kê và so sánh. Nguồn số liệu trong bài chủ yếu là số liệu thứ cấp được lấy từ Tổng cục Thống kê giai đoạn từ năm 1999 – 2020.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận đối với lĩnh vực kinh tế, trong đó phải kể đến là thu nhập bình quân đầu người và mức sống của người dân có sự thay đổi tích cực. Đây cũng là một trong những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô mà Chính phủ luôn quan tâm và nỗ lực nhằm nâng cao mức sống của người dân. Trải qua hơn ba thập kỉ Việt Nam đã xây dựng nền kinh tế thành công và phát triển nhanh chóng, đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình kể từ năm 2010 với nền kinh tế mở cửa và hội nhập sâu rộng như ngày nay. Năm 1999 thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam đạt 295.000 đồng/người/tháng thì đến năm 2010 thu nhập bình quân đầu người của Việt

Nam đạt 1.387.000 đồng/người/tháng và tiếp tục tăng đều qua các năm. Kể từ năm 2010, giai đoạn sau khi Việt Nam gia nhập WTO thì nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng ổn định, với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2010-2020 đạt 5,95%. Nhìn chung, trong giai đoạn này Việt Nam đã đạt và duy trì được mức tăng trưởng kinh tế ổn định mặc dù cả thế giới đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trước tình hình dịch bệnh Covid-19. Chính vì vậy, thu nhập bình quân của người dân Việt Nam luôn tăng trưởng và ổn định qua các năm. Đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người

đạt 4.249.000 đồng/người/tháng. So với năm 2010 thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam tăng 2.862.000 đồng/người/tháng, tương ứng với mức tăng 2,06 lần. So với năm 2019 thì thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam có giảm nhưng không đáng kể, khoảng 1% do ảnh hưởng của tình hình đại dịch Covid-19 và nền kinh tế vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng dương. Như vậy, với những thành quả đạt được từ sau đổi mới nền kinh tế, điển hình là năm 2010 Việt Nam đã bước vào ngưỡng quốc gia có thu nhập trung bình, thoát khỏi nhóm quốc gia nghèo và lạc hậu.

Bảng 1. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo thành thị, nông thôn và phân theo vùng

(ĐVT: 1000 đồng/người/tháng)

Năm	1999	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020
CÁ NƯỚC	295	1.387	2.000	2.637	3.098	3.874	4.295	4.249
Thành thị	517	2.130	2.989	3.964	4.551	5.624	6.022	5.590
Nông thôn	225	1.070	1.579	2.038	2.423	2.986	3.399	3.480
Đồng bằng sông Hồng	282	1.580	2.351	3.265	3.883	4.775	5.191	5.085
Trung du và miền núi phía Bắc	199	905	1.258	1.613	1.963	2.452	2.640	2.745
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	229	1.018	1.505	1.982	2.358	3.014	3.331	3.403
Tây Nguyên	345	1.088	1.643	2.008	2.366	2.895	3.095	2.814
Đông Nam Bộ	571	2.304	3.173	4.125	4.662	5.792	6.280	6.025
Đồng bằng sông Cửu Long	342	1.247	1.797	2.327	2.778	3.585	3.886	3.873

Nguồn: Tổng cục Thống kê

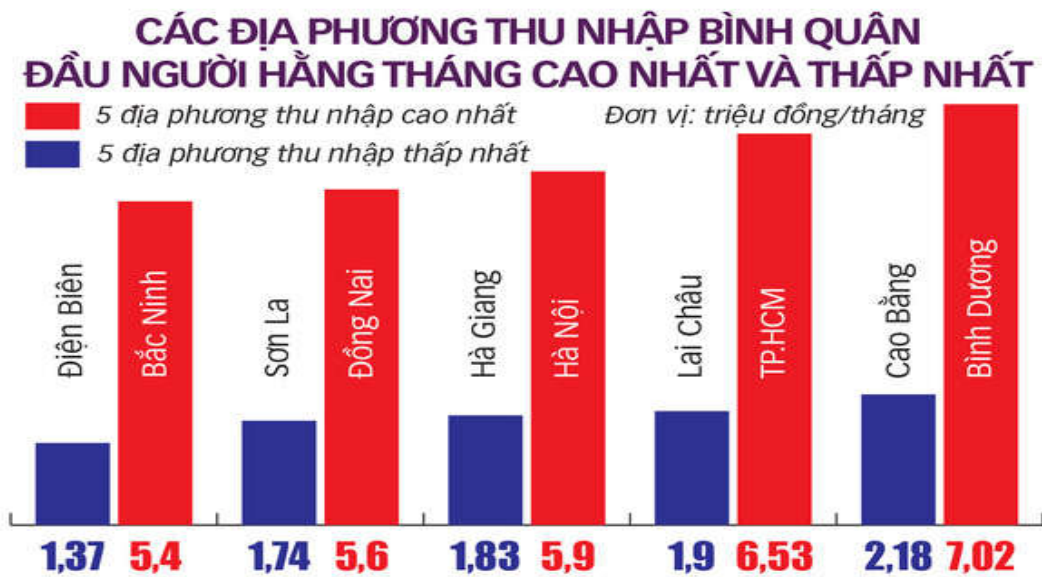
Tuy nhiên, khi so sánh thu nhập bình quân đầu người giữa các khu vực trong nước thì có sự chênh lệch đáng kể. Cụ thể, khu vực thành thị có thu nhập bình quân đầu người cao hơn khu vực nông thôn. Năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ở thành thị đạt 5.590.000 đồng/người/tháng, trong khi đó thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn là 3.480.000 đồng/người/tháng, khu vực thành thị có thu nhập bình quân đầu người cao hơn khu vực nông thôn là 2.110.000 đồng/người/tháng, tương ứng với mức tăng cao hơn 60,63%. Có nhiều lý do dẫn đến khoảng cách thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn, song chủ yếu vẫn là do lao động ở khu vực thành thị có nhiều lựa chọn công việc hơn, họ có trình độ giáo dục và tay nghề cao và đa phần sinh viên tốt nghiệp

đại học muốn ở lại thành thị để tìm kiếm công việc nhằm nâng cao kinh nghiệm làm việc và nâng cao thu nhập. Trong khi đó, lao động ở khu vực nông thôn hầu hết tiếp cận với các công việc giản đơn, thu nhập thấp và ít có cơ hội tìm kiếm công việc làm đòi hỏi trình độ kỹ năng, tay nghề cao như ở khu vực thành thị.

Đối với vùng miền thì thu nhập bình quân đầu người cũng có sự chênh lệch đáng kể. Đông Nam Bộ là vùng có thu nhập bình quân cao nhất, tương ứng với mức 6.025.000 đồng/người/tháng, trong khi đó vùng trung du và miền núi phía Bắc có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất, chỉ đạt 2.745.000 đồng/người/tháng. Như vậy vùng có thu nhập bình quân cao nhất ở Việt Nam cao gấp 2,2 lần vùng có thu nhập bình quân đầu người thấp

nhất. Như vậy, chỉ có vùng Đông bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ có thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước, còn lại các vùng đều có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước. Nguyên nhân là do khác nhau về điều kiện tự nhiên kinh tế và xã hội giữa các vùng miền, Đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ là những khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất cả nước, nơi có điều kiện sinh sống làm việc rất thuận lợi, dân cư chủ yếu hoạt động trong ngành công nghiệp và dịch vụ, có nhiều cơ hội tìm kiếm việc

làm và thu nhập ổn định hơn. Trong khi đó, vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có điều kiện kinh tế - xã hội còn chưa phát triển, hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế thấp, lao động đông ít có cơ hội tìm kiếm nhiều việc làm nên thu nhập và mức sống thấp. Ngoài ra, theo số liệu từ cuộc khảo sát mức sống dân cư năm 2020 của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy thu nhập bình quân đầu người giữa các địa phương trong cả nước (tỉnh, thành phố) cũng có sự chênh lệch đáng kể (hình 1).



Hình 1. Nhóm 5 địa phương có thu nhập cao nhất và thấp nhất năm 2020
(Nguồn: Số liệu từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2020 của Tổng Cục Thống kê)

Năm địa phương có thu nhập bình quân cao nhất cả nước là Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai và Bắc Ninh. Đây là những địa phương có điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội, vị trí địa lý rất thuận lợi cho các ngành kinh tế phát triển và thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, là trung tâm kinh tế - văn hóa chính trị của cả nước. Chính vì vậy, lao động có điều kiện tìm kiếm công việc làm thuận lợi hơn với thu nhập cao hơn. Năm địa phương có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất cả nước là Cao Bằng, Lai Châu, Hà Giang, Sơn La, Điện Biên. Đây là các địa phương có vị trí địa lý, địa hình khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, không

thuận lợi cho các ngành kinh tế phát triển. Từ đó, lao động khó tìm được các công việc đa dạng và nâng cao thu nhập. Tỉnh có thu nhập bình quân đầu người cao nhất cả nước là Bình Dương đạt 7,02 triệu đồng/người/tháng, cao gấp 5,12 lần tỉnh có thu nhập bình quân đầu người của cả nước là Điện Biên (thu nhập bình quân đầu người đạt 1,37 triệu đồng/người/tháng).

Cũng theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê thì thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm dân số trong cả nước cũng có sự chênh lệch đáng kể (nhóm 1: nhóm dân số có thu nhập thấp nhất, nhóm 5: nhóm dân số có thu nhập cao nhất).

Bảng 2. Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng của các nhóm dân cư giai đoạn 2010-2020

(ĐVT: nghìn đồng)

Năm	Bình quân	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chênh lệch	
							Tuyệt đối	Tương đối (lần)
2010	1387	369	669	1000	1490	3410	3041	9,2
2012	2000	512	984	1500	2222	4784	4272	9,3
2014	2637	660	1314	1972	2830	6413	5753	9,7
2016	3098	771	1516	2301	3356	7547	6776	9,8
2018	3876	932	1907	2934	4291	9320	8388	10,0
2019	4295	988	2100	3330	4954	10103	9115	10,2
2020	4249	1139	2491	3528	4896	9193	8054	8,1

Nguồn: Niên giám Thống kê 2020

Đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị là xu thế tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta. Một trong những vấn đề xã hội nảy sinh từ vấn đề đô thị hóa là chênh lệch thu nhập, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng. Sự chênh lệch giàu nghèo sẽ dẫn tới sự bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ đô thị như nhà ở, việc làm, giáo dục, y tế, cấp điện, môi trường (Tổng cục Thống kê, 2020). Khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm có thu nhập thấp nhất ngày càng gia tăng. Cụ thể, năm 2010, nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 9,2 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, tương đương với 3.410.000

đồng/người/tháng và khoảng cách này tăng dần qua các năm, đến năm 2018 hệ số này là 10 và năm 2019 là 10,2, tức là nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 10,2 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, tương đương với 9.115.000 đồng/người/tháng. Đến năm 2020, do ảnh hưởng của tình hình đại dịch Covid-19 mà nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 8,1 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, tương đương với 8.053.000 đồng/người/tháng. Ngoài ra, chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm theo vùng, miền, theo thành thị và nông thôn còn được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo 5 nhóm thu nhập, phân theo thành thị, nông thôn, phân theo giới tính chủ hộ và phân theo vùng năm 2020

(ĐVT: 1000 đồng/người/tháng)

Nhóm	Bình quân chung	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
Cả nước	4.249	1.139	2.491	3.528	4.896	9.193
Thành thị	5.590	2.097	3.509	4.694	6.252	11.403
Nông thôn	3.480	932	2.001	2.959	4.074	7.437
Giới tính chủ hộ - Nam	4.130	1.094	2.409	3.429	4.754	8.967
Giới tính chủ hộ - Nữ	4.632	1.352	2.751	3.869	5.348	9.847
Đồng bằng sông Hồng	5.085	1.938	3.251	4.244	5.615	10.385
Trung du và miền núi phía Bắc	2.745	665	1.220	2.141	3.342	6.360
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	3.403	1.030	2.096	2.900	3.854	7.139
Tây Nguyên	2.814	782	1.334	2.203	3.301	6.463
Đông Nam Bộ	6.025	2.582	4.120	5.249	6.717	11.460
Đồng bằng sông Cửu Long	3.873	1.224	2.359	3.131	4.194	8.469

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo số liệu ở bảng trên cho thấy nhóm 4 và nhóm 5 có thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước, 3 nhóm còn lại có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước. Nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 8,07 lần nhóm có thu nhập thấp nhất cả nước. Ở thành thị, nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 5,44 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, tương đương với số tiền là 9.305.780 đồng/người/tháng, ở nông thôn nhóm có thu nhập cao nhất có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 7,98 lần nhóm có thu nhập thấp nhất, tương ứng với số tiền là 6.505.430 đồng/người/tháng. Còn giữa các vùng miền thì thu nhập bình quân đầu người của nhóm có thu nhập cao nhất của vùng trung du và miền núi

phía Bắc so với thu nhập bình quân đầu người của nhóm có thu nhập thấp nhất có khoảng cách cao nhất của nước là 9,56 lần, tương ứng với số tiền là 5.694.620 đồng/người/tháng. Đông Nam Bộ là vùng có khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa nhóm có thu nhập cao nhất với nhóm có thu nhập thấp nhất là thấp nhất cả nước, 4,44 lần, tương ứng với 8.877.860 đồng/người/tháng. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng miền, các khu vực và các tỉnh, thành phố, giữa các nhóm thu nhập ở nước ta đã có sự chênh lệch đáng kể và có khoảng cách khá xa về thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm đối tượng này. Chính điều này đã tạo nên chênh lệch ngày càng cao về thu nhập bình quân đầu người và sự bất bình đẳng trong thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao giữa các nhóm thu nhập trong xã hội.

Bảng 4. Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI) ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020
CẢ NƯỚC	0,43	0,42	0,43	0,43	0,43	0,42	0,37
Thành thị	0,40	0,39	0,40	0,39	0,37	0,37	0,33
Nông thôn	0,40	0,40	0,40	0,41	0,41	0,41	0,37
Đồng bằng sông Hồng	0,41	0,39	0,41	0,4	0,39	0,39	0,33
Trung du và miền núi phía Bắc	0,41	0,41	0,42	0,43	0,44	0,44	0,42
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	0,39	0,38	0,39	0,39	0,38	0,39	0,35
Tây Nguyên	0,41	0,40	0,41	0,44	0,44	0,44	0,41
Đông Nam Bộ	0,41	0,39	0,40	0,39	0,38	0,38	0,29
Đồng bằng sông Cửu Long	0,40	0,40	0,40	0,41	0,40	0,40	0,37

Theo OECD (2011) thì bất bình đẳng thu nhập phản ánh cách thức các nguồn lực được phân phối trong xã hội. Một nền kinh tế có sự bất bình đẳng thu nhập quá lớn và kéo dài sẽ kéo theo sự bất bình đẳng khác về cơ hội và khả năng tiếp cận các nguồn lực sẵn có, tạo ra sự chênh lệch về trình độ và mức sống, từ đó dẫn đến những hệ lụy liên quan đến phát triển kinh tế và an sinh xã hội và hệ số Gini là hệ số dùng để biểu thị độ bất bình đẳng trong thu nhập trên nhiều vùng miền, tầng lớp của một đất nước và hệ số này nằm trong khoảng (0-1). Ở cấp quốc gia, căn cứ vào hệ số Gini, các nhà nghiên cứu đã chia các quốc gia thành 3 nhóm bất bình đẳng thu nhập. Các quốc gia có mức độ bất bình đẳng thu nhập thấp khi $Gini < 0,4$; bất bình đẳng thu nhập trung bình khi $0,4 \leq Gini \leq 0,5$; và bất bình đẳng thu nhập cao khi $Gini > 0,5$. Theo Cornia

Nguồn: Tổng cục Thống kê & Court (2001), hệ số Gini vào khoảng từ [0,3; 0,45] là phạm vi an toàn và hợp lý cho các quốc gia theo đuổi các mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao và ổn định. Đối chiếu với hệ số GINI ở bảng trên thì Việt Nam có mức độ bất bình đẳng thu nhập trung bình từ năm 2010-2019 khi $GINI > 0,4$. Riêng năm 2020 di tình hình dịch bệnh covid và có nhiều chính sách điều phối, hỗ trợ của Chính phủ nên hệ số GINI giảm còn 0,37, tức Việt Nam có mức độ bất bình đẳng thu nhập trung bình. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên thì thu nhập bình quân đầu người ở nước ta vẫn còn khá thấp và có sự chênh lệch đáng kể trong thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm dân cư và giữa các vùng miền trong cả nước, đồng thời khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người giữa các nhóm ngày càng gia tăng. Nguyên nhân có thể kể đến như sau:

Việt Nam có xuất phát điểm nền kinh tế thấp, đất nước chịu nhiều tác động tiêu cực nặng nề từ hai cuộc chiến tranh. Khi hòa bình, nền kinh tế phát triển theo mô hình kế hoạch hóa tập trung bao cấp nên phát triển chậm. Kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI về đổi mới toàn diện thì nền kinh tế dần khôi phục và phát triển. Đất nước tập trung xây dựng toàn diện trên tất cả các mặt từ hạ tầng cơ sở, nguồn nhân lực, thiết bị, công nghệ, cơ cấu nền kinh tế, trình độ khoa học công nghệ, mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật.

Việc làm là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập bình quân đầu người. Do có sự khác biệt lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, vị trí địa lý giữa các địa phương, giữa các vùng miền. Các thành phố lớn, địa phương có điều kiện tự nhiên tự nhiên, có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển nhiều ngành nghề và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Từ đó tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động. Ngược lại, các địa phương có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, vị trí địa lý không thuận lợi cho giao thông, khó thu hút vốn đầu tư nên chỉ tập trung phát triển các ngành nghề giản đơn, lao động khó tìm được việc làm có thu nhập cao.

Nền kinh tế nước ta có cơ cấu nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng cao, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp nói riêng và lao động nói chung có chất lượng thấp. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong nền kinh tế thấp, chiếm 20% trong tổng số lao động của cả nước, đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng lao động vẫn còn thấp, lao động theo cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực chưa hợp lý.

Đầu tư cho lĩnh vực giáo dục ở nước ta còn thấp và nhiều bất cập. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa thực sự gắn kết với thực tiễn, yêu cầu về nhân lực của các đơn vị và doanh nghiệp.

Tính chuyên nghiệp trong kỷ luật lao động của người lao động Việt Nam cũng là vấn đề đáng quan tâm. Một bộ phận không nhỏ người lao động chưa được tập huấn về kỷ luật lao động công nghiệp, chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy trình công nghiệp hiện đại của người lao động, tác phong chậm, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng mềm còn thấp, chưa đáp ứng được những đòi hỏi về tiêu chuẩn của lao động trong thời kỳ mới.

4. KẾT LUẬN

Kể từ sau khi nền kinh tế được đổi mới toàn

diện năm 1986 tạo điều kiện cho các ngành nghề và các thành phần của nền kinh tế phát triển mạnh, trong đó có thu nhập bình quân đầu người của người dân Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng ghi nhận và trở thành nước có thu nhập trung bình kể từ năm 2010. Kể từ sau khi gia nhập tổ chức WTO, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài ngày một gia tăng, tạo điều kiện cho nhiều ngành nghề trong nước phát triển, từ đó tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động và thu nhập bình quân của người lao động ngày một gia tăng. Ngay cả kể cả khi đại dịch Covid-19 diễn ra, nền kinh tế nước ta vẫn giữ mức tăng trưởng dương và vẫn đảm bảo mức thu nhập trung bình cho người dân. Tuy đạt được những kết quả đáng ghi nhận song thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực và có sự chênh lệch khá xa giữa các vùng, miền và giữa các nhóm thu nhập trong cả nước. Chính vì vậy, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị góp phần nâng cao thu nhập trung bình của người dân và giảm dần khoảng cách thu nhập giữa các nhóm thu nhập trong cả nước như sau:

Chính phủ tiếp tục thực hiện nhất quán mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước, kiểm soát lạm phát, đạt mức tăng trưởng cao. Điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa, giảm mặt bằng lãi suất hợp lý, phân đấu đạt mức tăng trưởng tín dụng hợp lý góp phần ổn định nguồn vốn cho sản xuất.

Chính phủ cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm gia tăng thu nhập bình quân đầu người trên cơ sở phát triển nền kinh tế đồng bộ giữa các vùng, miền trong cả nước. Quốc gia cần tập trung phát triển lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, phát triển nông nghiệp chất lượng cao để đa dạng hóa nguồn thu, tạo thêm nhiều việc làm và từng bước nâng cao thu nhập cho người dân.

Chính phủ thực hiện các chính sách nhằm nâng cao năng suất lao động của người dân, góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người, nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững.

Chính phủ cần tạo điều kiện phát triển đa dạng các lĩnh vực, ngành nghề nhằm tạo việc làm cho người lao động; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án, công trình có quy mô lớn, tạo nhiều việc làm; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, tăng sức mua, đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa trong giai đoạn bình thường mới như hiện nay.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, ưu tiên đào tạo trình độ và kỹ năng cho người lao động đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tế.

Bên cạnh đó, cần nâng cao ý thức của người dân trong việc nâng cao trình độ dân trí, kỹ năng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ năng về nguồn nhân lực, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ kế hoạch và đầu tư (2021). *Xu hướng gia tăng trong thu nhập bình quân giữa thành thị và nông*

thôn Việt Nam.

<http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=22735>

2. Cornia and Court (2004), *Inequality, Growth and Poverty in the Era of Liberalization and Globalization*. Oxford University Press; 1st edition (May 20, 2004)

3. OECD(2011), *Society at a Glance 2011 - OECD Social Indicators* (www.oecd.org/social/societyataglance2011.htm)

4. Trần Quốc Lợi, Dương Mạnh Hùng (2014). Phân biệt chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người. *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Bình*, số 3, trang 19-22. <https://skhcn.quangbinh.gov.vn/3cms/upload/khcn/File/TapChiKHCN/2014/so3/4.pdf>

5. Tổng cục Thống kê (2019). Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-dac-ta/2019/12/htcttkqg-thu-nhap-binh-quan-mot-lao-dong-dang-lam-viec/>

6. Tổng cục Thống kê (2018). Hệ số GINI – hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. *Bản tin điện tử số 7 – tháng 10.*

http://file.ncif.gov.vn/Media/bantinattachfile/2018123153409/BANTIN_GINI_10.pdf

THE SITUATION OF AVERAGE INCOME OF THE PEOPLE IN VIETNAM

Le Thi Mai Huong¹, Tran Van Hung²

¹HCMC University of Technology and Education

²Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus

SUMMARY

The article is based on secondary data collected from General Statistics Office Departments to assess the situation of the average income of Vietnamese people in the period from economic renewal to the present. This topic uses descriptive statistical methods to compare, use the indicator system of per capita income, and inequality coefficient in income distribution to analyze the current situation of income per capita in Vietnam. Research results show that the per capita income of Vietnamese has remarkable increase, and especially in 2020 be challenges and difficulties of the Covid-19 pandemic, Vietnam's per capita income is still positive. However, Vietnam's per capita income is still quite low and there is still a large gap between regions, urban and rural areas, rich and poor groups. The article evaluates the limited achievements and causes of limitations in the level of income disparity between regions and income groups based on the analysis of inequality coefficients in income distribution. Thereby, the article proposes some recommendations to improve the per capita income of the Vietnamese people and reduce disparities in per capita income between regions, urban and rural areas, rich and poor groups.

Keywords: Income status, per capita income, recommendations, Vietnam.

Ngày nhận bài : 20/8/2022

Ngày phản biện : 02/10/2022

Ngày quyết định đăng : 19/10/2022